

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/DS - ST

Ngày: 27 - 5 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Phượng

2. Ông Nguyễn Văn Xem

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2977/2020/TLST - DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 2, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tiết Văn H, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Từ Bá T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Theo giấy ủy quyền số: 2965/QĐ-NHN0-PC ngày 27/12/2019.

Ông Từ Bá T ủy quyền cho ông Thạch Tuấn A, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Phong Phú. Theo giấy ủy quyền số: 01/05/2021/NHN0CK-UQ ngày 27/5/2021.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Mỹ H, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1992 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Nguyệt Q, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, ông Thạch Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Vào ngày 11/4/2018 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Cầu Kè (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trịnh Mỹ H đã ký kết hợp đồng vay vốn số: 7403LAV2018 01444, theo đó Ngân hàng cho bà H vay số tiền 239.000.000đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 11/4/2018 đến ngày 11/4/2019); mục đích vay là để nuôi gà, bò vỗ béo, làm ruộng; lãi suất trong hạn 6,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; phương thức trả lãi: trả theo kỳ nợ gốc. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ngày 11/4/2018 bà H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 1461, tờ bản đồ số 45, diện tích 3942m², tọa lạc ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp số: 334355857-A/HDDTC ký ngày 11/4/2018 và thửa đất số: 1490, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.050m², tọa lạc ấp Kinh Xáng, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp số: 334355857-B/HDDTC ký ngày 11/4/2018.

Từ khi vay cho đến ngày 14/4/2021 bà Trịnh Mỹ H đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 2.000.000 đồng, lãi là 0 đồng Ngân hàng đã chuyển số nợ gốc đến hạn chưa thanh toán theo từng kỳ trả nợ sang nợ quá hạn; Ngân hàng cũng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ

thâm (ngày 27/5/2021) với tổng số tiền là 299.931.465đồng (trong đó số tiền gốc là 237.000.000đồng, lãi trong hạn là 46.239.375đồng, lãi quá hạn là 16.692.090đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 28/5/2021 đến khi bà H trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong hợp đồng vay vốn số 7403LAV2018 01444 ngày 11/4/2018; trong trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 23/02/2021, bị đơn bà Trịnh Mỹ H trình bày: Bà thừa nhận bà có vay của Ngân hàng số tiền 239.000.000đồng theo hợp đồng vay vốn 7403LAV2018 01444 ngày 11/4/2018. Để bảo đảm cho khoản tiền vay trên gia đình bà có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất: thửa số 1461, tờ bản đồ số 45, diện tích 3942m², tọa lạc ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp số: 334355857-A/HDDTC ký ngày 11/4/2018 và thửa đất số: 1490, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.050m², tọa lạc ấp Kinh Xáng, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp số: 334355857-B/HDDTC ký ngày 11/4/2018. Nay bà cũng thừa nhận bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 237.000.000đồng, tiền lãi phát sinh và đồng ý trả số tiền trên cho Ngân hàng; bà cũng đồng ý cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp nếu trường hợp bà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà H, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q thì không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Trịnh Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q vẫn

vắng mặt không có lý do, đến nay là lần xét xử thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Trịnh Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng, vào ngày 11/4/2018 bà H có vay của nguyên đơn Ngân hàng số tiền 239.000.000đồng theo hợp đồng vay vốn số 7403LAV2018 01444. Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q có thể chấp các thửa đất: thửa số 1461, tờ bản đồ số 45, diện tích 3942m², tọa lạc ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp số: 334355857-A/HDDTC ký ngày 11/4/2018 và thửa đất số: 1490, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.050m², tọa lạc ấp Kinh Xáng, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp số: 334355857-B/HDDTC ký ngày 11/4/2018. Việc các bên ký kết các hợp đồng nêu trên là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, nay bà H đã vi phạm nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng vay vốn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp chặn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy hợp đồng vay vốn ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn là nhằm nuôi gà, bò vỗ béo, làm ruộng, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về dân sự, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quá trình tổng đạt các văn bản của Tòa án: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở

lần thứ hai nhưng bà H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông T, ông A, bà Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính hợp pháp của hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp: Hợp đồng vay vốn số: 7403LAV2018 01444 ngày 11/4/2018 và hai hợp đồng thế chấp số: 334355857-A/HDDTC và số: 334355857-B/HDDTC cùng ngày 11/4/2018 ký kết giữa Ngân hàng với bà H là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 116, 117, 119, 317, 463 của Bộ luật dân sự 2015; đối với hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên các hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng vay vốn, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho bà H số tiền 239.000.000đồng. Tuy nhiên, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn đã cam kết, từ khi vay cho đến nay bà H chỉ trả được số tiền gốc là 2.000.000 đồng, lãi là 0 đồng cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà H trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/5/2021) với tổng số tiền là 299.931.465đồng (trong đó số tiền gốc là 237.000.000đồng, lãi trong hạn là 46.239.375đồng, lãi quá hạn là 16.692.090đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về mức lãi suất mà phía bị đơn bà H phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc: Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2021), bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số 7403LAV2018 01444 ngày 11/4/2018.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn Ngân hàng: Như nhận định phần trên, hợp đồng thế chấp số: 334355857-A/HDDTC và số: 334355857-B/HDDTC cùng ngày 11/4/2018 ký kết giữa Ngân hàng với bà H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Nguyệt Q là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật; thửa đất 1461, tờ bản đồ số 45, diện tích 3942m², tọa lạc ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và thửa số: 1490, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.050m², tọa lạc ấp Kinh Xáng, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng đồng ý cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn Ngân hàng.

[3] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu 14.996.573 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 6.983.181 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003769 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 72, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 119, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc bà Trịnh Mỹ H trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/5/2021) với tổng số tiền là 299.931.465 đồng (trong đó số tiền gốc là 237.000.000 đồng, lãi trong hạn là 46.239.375 đồng, lãi quá hạn là 16.692.090 đồng).

Kể từ ngày 28/5/2021, bà Trịnh Mỹ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn số: 7403LAV2018 01444 ngày 11/4/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trịnh Mỹ H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Trịnh Mỹ H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên bán đấu giá đối với tài sản thế chấp là: thửa đất 1461, tờ bản đồ số 45, diện tích 3942m², tọa lạc ấp 1, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và thửa số: 1490, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.050m², tọa lạc ấp Kinh Xáng, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với các thửa đất trên để ưu tiên thanh toán số nợ vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trịnh Mỹ H phải chịu 14.996.573 đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 6.983.181 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003769 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng